**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**(*Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)***

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE**

***(Quý 2/2019)***

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ**

Tên quỹ: Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb

 Loại hình quỹ: Quỹ mở

1. **Mục tiêu của Quỹ:**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

1. **Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

|  |  |
| --- | --- |
| NAV lúc thành lập (VNĐ) | NAV ngày 30/06/2019 (VNĐ) |
| 60.934.000.000 | 101.063.414.836 |

Tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 65,86% so với giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ lúc thành lập.

1. **Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật, trái phiếu chuẩn bị niêm yết (trong vòng mười hai (12) tháng kể từ Ngày Giao dịch), chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

1. **Phân loại Quỹ:**

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 04 năm 2019.

1. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

1. **Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

1. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03/04/2019.

1. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |
| --- | --- |
| Vốn của quỹ theo mệnh giá (đồng) |  100.510.889.300 |
| Số lượng CCQ đang lưu hành (CCQ) |  10.051.088,93  |

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 10.051.088,93 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 100.510.889.300 VNĐ.

1. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

1. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

1. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ**:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 0 VNĐ.

**II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

1. **Cơ cấu tài sản quỹ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/06/2019****(%)** | **30/06/2018****(%)** | **30/06/2017****(%)** |
| 1.Tiền mặt và các khoản tương đương tiền | 40,11 | N/A | N/A |
| 2.Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng | 39,43 | N/A | N/A |
| 3. Chứng chỉ tiền gửi | 19,71 | N/A | N/A |
| 4. Tài sản khác |  0,75 | N/A | N/A |
| **Cộng** | **100,00** | **N/A** | **N/A** |

1. **Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2019** | **30/06/2018** | **30/06/2017** |
| 2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)  | 101.063.414.836 | N/A | N/A |
| 2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) | 10.051.088,93 | N/A | N/A |
| 2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VNĐ) | 10.054,97 | N/A | N/A |
| 2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 10.054,97 | N/A | N/A |
| 2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 9.997,36 | N/A | N/A |
| 2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A | N/A |
| 2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A | N/A |
| 2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A | N/A |
| 2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 0,57 | N/A | N/A |
| 2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0,00 | N/A | N/A |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 0,57 | N/A | N/A |
| 2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A | N/A |
| 2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A | N/A |
| 2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A (\*\*) | N/A | N/A |
| 2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2,84 | N/A | N/A |
| 2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 63,20 | N/A | N/A |

1. **Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm** |
| - 1 năm | N/A | N/A |
| - 3 năm | N/A | N/A |
| - Từ khi thành lập | 0,55% | N/A |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | 1,07% (\*\*\*) | 3,61% |

1. **Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **30/06/2019****(%)** | **30/06/2018****(%)** | **30/06/2017****(%)** | **30/06/2016****(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 0,55 | N/A | N/A | N/A |

***Ghi chú:***

*N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

*N/A (\*): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

*N/A (\*\*): Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.*

*(\*\*\*): Quỹ áp dụng chỉ số tham chiếu là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX tại thời điểm 30/06/2019.*

**III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

1. **Kinh tế Vĩ mô:**

Tăng trưởng GDP: GDP trong 6 tháng đầu năm ước tính tăng 6,76% YoY, thấp hơn cùng kì năm 2018 nhưng cao vượt trội so với tăng trưởng 6 tháng các năm từ 2011 – 2017. Việt Nam vẫn là nước có tăng trưởng cao so với các nước trong khu vực. GDP đang có xu hướng tăng tưởng chậm lại qua các quý (6,71% so với 6,79%). Nguyên nhân chủ yếu là: về phía cung, ngành dịch vụ mặc dù dư địa tăng trưởng lớn nhưng 6 tháng đầu năm chỉ tăng trưởng thấp hơn GDP, nông nghiệp tăng trưởng yếu. Về phía cầu, tiến độ giải ngân đầu tư công và vốn ODA vẫn chậm, tăng trưởng xuất khẩu có xu hướng giảm mặc dù hiệp định CPTPP đã có hiệu lực.

Lạm phát: Trong Quý I và đầu Quý II đã có nhiều đợt tăng giá xăng dầu liên tiếp tổng cộng lên đến gần 20% và tăng giá điện 8,36%. Tuy nhiên, bình quân lạm phát 6 tháng chỉ 2,64%, thấp nhất trong 3 năm gần đây. Nguyên nhân là do giá của một số mặt hàng thiết yếu và các mặt hàng thuộc quản lý của Nhà nước tăng chậm đã triệt tiêu phần nào tác động của tăng giá điện và xăng dầu. Tuy vậy, tác động "vòng 2" của việc tăng giá điện và xăng dầu vẫn còn đe dọa trong các quý sắp tới đặc biệt trong bối

cảnh giá hàng hóa thế giới có nhiều biến động mạnh. Dự báo lạm phát bình quân năm 2019 ở mức kiểm soát dưới 4,0% tạo tiền đề cho Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt.

Chính sách tiền tệ của Ngân hàng nhà nước nửa đầu năm 2019 vẫn xoay quanh hai mục tiêu ổn định tỉ giá và kiềm chế lạm phát.

Tỷ giá hối đoái: Sau khi giao dịch trong biên độ hẹp quanh ngưỡng 23.200 trong 4 tháng đầu năm, VNĐ biến động mạnh hơn trong tháng 5 với việc xác lập mức thấp mới 23.419 trong bối cảnh căng thẳng thương mại leo thang với đồng CNY giảm mạnh so với USD. Dù vậy, VNĐ đã ổn định trở lại và đang giao dịch ở ngưỡng 23.300 (+0,6% YTD) sau khi Ngân Hàng Nhà Nước chủ động điều tiết cung cầu ngoại tệ và nguồn cung ngoại tệ dồi dào từ FDI và FII.

Các điểm nhấn kinh tế khác trong 6 tháng đầu năm 2019: PMI sản xuất trở lại mức cao nhất kể từ đầu năm, đạt 52,5 điểm trong tháng 6. Xuất khẩu tăng tốc trong Qúy II nhờ nhóm hàng công nghệ.

1. **Thị trường chứng khoán:**

Thị trường Chứng khoán Việt Nam và thế giới tăng điểm mạnh trong Quý I/2019 cả về giá trị và mức độ tăng điểm. Chỉ số VN-Index đạt đỉnh vào giữa tháng 3 sau đó đi vào giai đoạn suy giảm với thanh khoản thấp cho đến cuối Quý II. Kết thúc Quý II thị trường đóng cửa quanh mốc 950 điểm.

Thị trường Trái phiếu Chính phủ Việt Nam trong 6 tháng đầu năm trải qua sự sụt giảm so với cuối năm 2018 về lợi suất do thanh khoản dư thừa trong hệ thống ngân hàng. Điều này góp phần làm việc hấp thụ đấu giá trái phiếu thuận lợi hơn. Lợi suất Trái phiếu Chính phủ trên thị trường thứ cấp diễn biến cùng chiều với thị trường sơ cấp, với sự sụt giảm khoảng 30 – 80 bps so với thời điểm tháng 12/2018 trong đó mạnh nhất là kỳ hạn 1 năm.

**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

1. **Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | 0,57% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | 0,00 |
| **Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ** | **N/A** | **N/A** | **0,57%** |
| Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | 0,55 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A (1) | N/A (1) | N/A (1) |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A (2) | N/A (2) | N/A (2) |

***Ghi chú:***

*N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

*N/A (1): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.*

*N/A (2): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

● Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 tháng gần nhất:

● Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2019** | **03/04/2019** | **Tỷ lệ thay đổi** |
| A | 1 | 2 | 3= ((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 101.063.414.836 | 60.934.000.000 | 65,86% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 10.054,97 | 10.000 | 0,55% |

Do quỹ mới thành lập từ 03/04/2019, nên trong giai đoạn từ 03/04/2019 đến 30/06/2019 Quy mô của Quỹ tăng lên 65,86% chủ yếu do nhà đầu tư mua ròng chứng chỉ Quỹ khiến cho Quỹ gia tăng quy mô vốn và tổng tài sản. Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ tăng 0,55% do lợi nhuận từ kết quả đầu tư mang lại.

1. **Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5.000 | 129 | 56.399,09 | 0,56% |
| Từ 5.000 - 10.000 | 5 | 35.200,00 | 0,35% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | - | - | 0,00% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | - | - | 0,00% |
| Trên 500.000 | 1 | 9.959.489,84 | 99,09% |
| **Tổng cộng** | **135** | **10.051.088,93** | **100,00%** |

**Ghi chú:** *Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.*

1. **Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cập dịch vụ cho Quỹ.

**V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Khả năng nền kinh tế Việt Nam sẽ đón nhận những tin tức tích cực do các hiệp định FTA, CPTPP và EVFTA vừa ký kết mang lại, đặc biệt trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu và đầu tư. Thị trường chứng khoán cũng sẽ hồi phục trong nửa cuối năm trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô có nhiều điều kiện ổn định phát triển.

Chính sách tiền tệ trong 6 tháng đầu năm 2019 nhìn chung được điều hành nới lỏng hơn so với thời điểm 6 tháng cuối năm 2018 do áp lực đến từ tỷ giá và lạm phát đã giảm bớt. Và xu hướng này, được dự báo sẽ tiếp tục trong tương lai gần để thúc đẩy nền kinh tế. Do vậy, khả năng lợi suất Trái phiếu chính phủ và lãi suất liên ngân hàng sẽ tiếp tục xu hướng giảm và duy trì mức thấp như hiện tại.

Tuy vậy, tương tự như nhiều quốc gia trong khu vực, Việt Nam vẫn sẽ chịu rủi ro địa chính trị đặc biệt là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Biến động của thị trường trong giai đoạn nửa cuối năm 2019 vẫn được dự báo duy trì ở mức cao.

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 52/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013.

**Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Lâm Hải Tuấn | Chủ tịch Công ty | Kỹ sư | Trước 2005: Ông Tuấn có kinh nghiệm làm việc tại các vị trí cấp cao của 2 tập đoàn tài chính, bảo hiểm toàn cầu là Metlife và Chubb LifeTừ 2005 - nay: Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt NamTừ 2012 - nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Chubb Life Việt Nam |
| Bùi Thanh Hiệp | Phó chủ tịch Công ty | CPA | Từ 2001 - 2005: Nắm giữ nhiều vị trí khác nhau tại Bộ phận tài chính – Manulife Việt NamTừ 2005 - 2010: Kế toán trưởng – ACE Life Việt NamTừ 2010 - 2011: Trưởng Bộ phận Tài chính – VPĐD Generali Assicurazioni s.p.A VNTừ 2011 - 2012: Kế toán trưởng - Chubb Life Việt NamTừ 2012 - 2017: Phó chủ tịch - Chubb Life Việt NamTừ 2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam |
| Lê Thị Hồng Thái | Giám đốc Công ty | CFA | Từ 2007 - 2011: Quản lý thị trường Việt Nam- Bloomberg SingaporeTừ 2011 - 2012: Chuyên viên đầu tư -Quỹ Pureheart SingaporeTừ 2012 - 2014: Trưởng phòng đầu tư - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt namTừ 2014 - nay: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Chubb Life |

**Ban đại diện quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Trịnh Thanh Cần | Chủ tịch  | Cử nhân | Từ 2000 - 2002: Trợ lý nghiên cứu -Công ty Quản lý quỹ Tower MỹTừ 2002 - 2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings - MỹTừ 2003 - 2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty QLQ Vinacapital Việt NamTừ 2005 - 2006: Giám đốc Quan hệ KH - Ngân hàng HSBC Việt NamTừ 2006 - 2007: Giám đốc đầu tư - Công ty QLQ Bản ViệtTừ 2007 - 2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản ViệtTừ 2011 - 2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính DN - Công ty chứng khoán HSCTừ 2015 - nay: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB |
| Nguyễn Trọng Đức | Thành viên  | Thạc sỹ | Từ 1995 - 1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMGTừ 1999 - 2000: Trưởng phòng KTNB - Công ty Victoria Việt Nam GroupTừ 2000 - 2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam GroupTừ 2002 - 2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam.Từ 2004 - 2015: Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. Từ 2015 - 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt NamTừ 6/2018 - nay: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. |
| Trần Việt Hương | Thành viên | Luật sư | Từ 1995 - 1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISCTừ 1998 - 2000: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty Kiểm toán KPMGTừ 2000 - 2003: Phó trưởng Đại diện - VPĐD Pacific Rim Enterprises, LLCTừ 2003 - 2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt ĐớiTừ 2006 - 2008: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP An GiaTừ 2011 - nay: Luật sư thành viên - Công ty luật AvenirTừ 2010 - nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân |

**Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Phạm Minh Thắng | Thành viên | CFA | Từ 2010 - 2011: Chuyên viên phân tích đầu tư -VPĐD Công ty QLQ Việt NamTừ 2011 - 2012: Chuyên viên tài chính -Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ PrudentialTừ 2012 - 2013: Chuyên viên Quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Á ChâuTừ 2013 - nay: Phó phòng đầu tư - Công ty TNHH MTV QLQ Chubb Life |
| Đinh Thị Hồng Anh | Thành viên | Thạc sỹ | Từ 2008-2010: Nhân viên kinh doanh vốn - Ngân hàng TMCP Á Châu.Từ 2012-2013: Chuyên viên đầu tư - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt namTừ 2014 - nay: Chuyên viên đầu tư - Công ty TNHH MTV QLQ Chubb Life |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Tp.HCM, ngày 18 tháng 07 năm 2019***(TỔNG) GIÁM ĐỐC***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |